

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI (HSX: PVI)**
**ĐÁNH GIÁ**

|                 |        |
|-----------------|--------|
| Giá mục tiêu    | 32,800 |
| Giá mục tiêu cũ | 29,168 |
| Giá hiện tại    | 33,400 |

**PHÙ HỢP**
**Cập nhật KQKD quý II.2020**

**Biên lợi nhuận gộp quý II.2020 tăng lên 24% (so với 17% cùng kỳ năm ngoái),** giá vốn giảm 15.4% (yoy) do (1) PVI giảm giá vốn dịch vụ kinh doanh bảo hiểm 500 tỷ so với cùng kỳ và (2) giảm giá dự phòng bồi thường 106 tỷ trong quý 2. Do tiết giảm chi phí, LNST quý 2 đạt 258 tỷ đồng (+53.9% yoy) và biên lợi nhuận thuần tăng đột biến lên 31% trong quý.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu bảo hiểm của PVI đạt 2,400 tỷ đồng (giảm 28% so với cùng kỳ) do ảnh hưởng nặng của dịch lên mảng bảo hiểm năng lượng và hàng không. Tuy nhiên, do tiết giảm chi phí trong quý 2, LNST lũy kế đạt 453 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ năm 2019.

**Lãi suất tiền gửi giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động đầu tư của PVI.** Danh mục đầu tư của PVI có gần 8,000 tỷ đồng tiền gửi, chiếm 82% giá trị danh mục, chủ yếu phân bổ vào tiền gửi ngắn hạn. Trong đầu năm, NHNN đã hai lần điều chỉnh lãi suất điều hành, theo đó các Ngân hàng lần lượt giảm lãi suất tiền gửi từ 0.1%-0.5% tùy theo kỳ hạn. Theo chúng tôi đánh giá, lãi tiền gửi của PVI sẽ bắt đầu bị ảnh hưởng vào cuối năm do tiền gửi của PVI chủ yếu là kỳ hạn ngắn hạn và trung hạn.

Cơ cấu danh mục của PVI trong 2020 đang có xu hướng tăng tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn dài hạn lên 21% tính đến cuối quý 2.2020 (so với 17% hồi đầu năm), và đồng thời giảm tỷ trọng tiền gửi ngắn hạn xuống 49%.

**Định giá doanh nghiệp**

Tình hình dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến cả lĩnh vực bảo hiểm năng lượng và bảo hiểm hàng không của PVI. Theo Reuters, dịch bệnh có thể làm cho ngành dầu khí năm 2020 phải cắt giảm đầu tư và trì hoãn lắp đặt các giàn khoan ngoài khơi. Tuy nhiên khả năng kiểm soát dịch cao hơn lần đầu bùng phát, chúng tôi tăng doanh thu bảo hiểm so với lần dự phóng trước lên 19% đạt 6,930 tỷ đồng, đồng thời giảm 50,2% doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm.

Chúng tôi dự phóng lợi nhuận sau thuế 2020 của PVI đạt 667 tỷ đồng, giảm 5% so với năm ngoái, chủ yếu (1) tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc giảm, (2) Lãi tiền gửi tiết kiệm giảm và (3) khả năng tăng khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

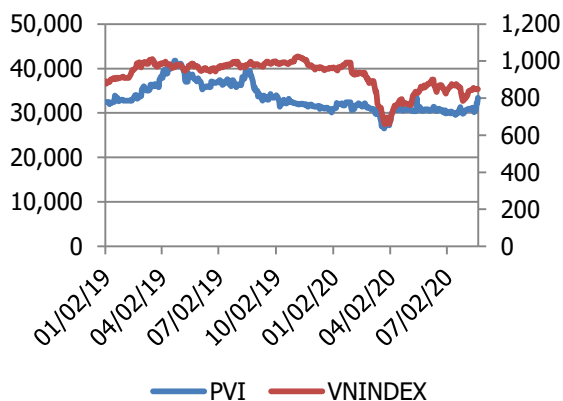
Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh theo trung bình ngành bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam. Với EPS forward 2020 đạt 2,742 đồng/cp, giá trị sổ sách (BVPS) đạt 31,224 đồng/cp, giá trị cổ phần PVI được xác định ở mức giá lần lượt là 32,250 đồng/cp với phương pháp PE và 33,339 đồng/cp với phương pháp PB. Như vậy, giá trị trung bình của công ty là **32,794 đồng/cp**.

**Dữ liệu giao dịch**

|                               |               |
|-------------------------------|---------------|
| Sàn giao dịch                 | HNX           |
| Giá cao/thấp nhất 52 tuần     | 41.800/26,500 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VND)   | 7,197         |
| SLCP đang lưu hành (triệu cp) | 231.1         |
| KLGDBQ 52 tuần (cổ phiếu)     | 114,314       |
| Sở hữu trong nước (%)         | 45.9%         |
| Sở hữu nước ngoài (%)         | 54.1%         |
| Room nước ngoài (%)           | 45.7%         |

**Một số chỉ tiêu chính**

|                        | 2019A        | 2020E        | 2021E       |
|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| DTT HĐKD bảo hiểm      | <b>3,323</b> | <b>2,400</b> | <b>-28%</b> |
| Giá vốn hàng bán       | 2,813        | 1,906        | -32%        |
| Lợi nhuận gộp          | 510          | 495          | -3%         |
| Doanh thu tài chính    | 383          | 368          | -4%         |
| Chi phí tài chính      | 37.20        | 58.90        |             |
| <i>Chi phí lãi vay</i> | 0.24         | 0.85         |             |
| Chi phí QLDN           | 262          | 239          | -9%         |
| LN thuần HĐKD          | 593          | 564          | -5%         |
| Lợi nhuận khác         | 0            | 1            | 216%        |
| LNTT                   | 593          | 565          | -5%         |
| LNST                   | <b>472</b>   | <b>453</b>   | <b>-4%</b>  |

**Diễn biến giá cổ phiếu**

**Cơ cấu cổ đông**

|               |       |
|---------------|-------|
| HDI Global SE | 42.3% |
| PVN           | 35%   |
| Cổ đông khác  | 22.7% |

Cập nhật kết quả kinh doanh Quý II.2020

| Chỉ tiêu (tỷ đồng)          | Quý II.2019  | Quý II.2020  | YoY           | 6T.2019      | 6T.2020      | YoY         |
|-----------------------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------|-------------|
| <b>DTT HĐKD bảo hiểm</b>    | <b>1,704</b> | <b>1,155</b> | <b>-32.2%</b> | <b>3,323</b> | <b>2,400</b> | <b>-28%</b> |
| Giá vốn hàng bán            | 1,435        | 877          | -38.9%        | 2,813        | 1,906        | -32%        |
| LN gộp HĐKD bảo hiểm        | 269          | 278          | 3.6%          | 510          | 495          | -3%         |
| <b>Biên lợi nhuận gộp</b>   | <b>16%</b>   | <b>24%</b>   | <b>52.8%</b>  | <b>15%</b>   | <b>21%</b>   |             |
| Doanh thu tài chính         | 212.2        | 185.5        | -12.6%        | 383          | 368          | -4%         |
| Chi phí tài chính           | 0.168        | 0.2          | 42.9%         | 37.20        | 58.90        |             |
| Chi phí lãi vay             | 0.168        | 0.2          | 42.9%         | 0.24         | 0.85         |             |
| Chi phí QLDN                | 157.078      | 118.7        | -24.4%        | 262          | 239          | -9%         |
| LN thuần HĐKD               | 299.582      | 423.0        | 41.2%         | 593          | 564          | -5%         |
| Lợi nhuận khác              | -0.019       | 0.9          |               | 0            | 1            | 216%        |
| LNTT                        | 299.6        | 423.9        | 41.5%         | 593          | 565          | -5%         |
| <b>LNST</b>                 | <b>232.7</b> | <b>358.2</b> | <b>53.9%</b>  | <b>472</b>   | <b>453</b>   | <b>-4%</b>  |
| <b>Biên lợi nhuận thuần</b> | <b>14%</b>   | <b>31%</b>   |               | <b>14%</b>   | <b>19%</b>   |             |

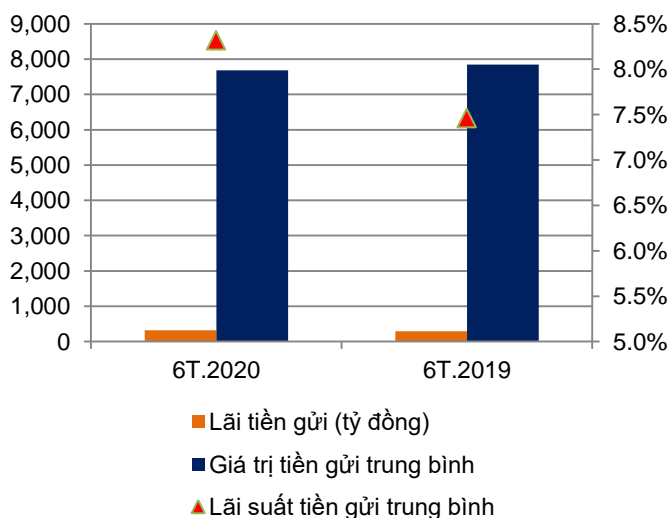
Nguồn: BCTC PVI, PSI tổng hợp

**Biên lợi nhuận gộp quý II.2020 tăng lên 24% (so với 17% cùng kỳ năm ngoái)**, giá vốn giảm 15.4% (yoy) do (1) PVI giảm giá vốn dịch vụ kinh doanh bảo hiểm 500 tỷ so với cùng kỳ và (2) giảm giá dự phòng bồi thường 106 tỷ trong quý 2. Do tiết giảm chi phí, LNST quý 2 đạt 258 tỷ đồng (+53.9% yoy) và biên lợi nhuận thuần tăng đột biến lên 31% trong quý.

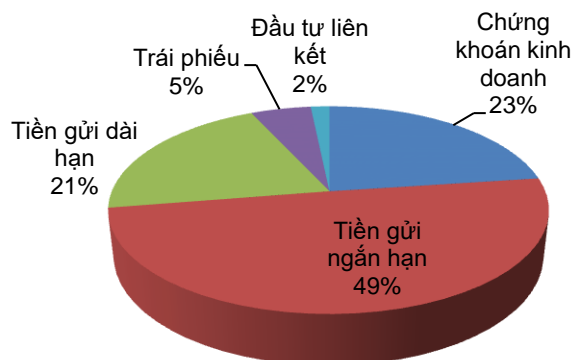
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu bảo hiểm của PVI đạt 2,400 tỷ đồng (giảm 28% so với cùng kỳ) do ảnh hưởng nặng của dịch lên mảng bảo hiểm năng lượng và hàng không. Tuy nhiên, do tiết giảm chi phí trong quý 2, LNST lũy kế đạt 453 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ năm 2019.

**Lãi suất tiền gửi giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động đầu tư của PVI.** Danh mục đầu tư của PVI có gần 8,000 tỷ đồng tiền gửi, chiếm 82% giá trị danh mục, chủ yếu phân bổ vào tiền gửi ngắn hạn. Trong đầu năm, NHNN đã hai lần điều chỉnh lãi suất điều hành, theo đó các Ngân hàng lần lượt giảm lãi suất tiền gửi từ 0.1%-0.5% tùy theo kỳ hạn. Theo chúng tôi đánh giá, lãi tiền gửi của PVI sẽ bắt đầu bị ảnh hưởng vào cuối năm do tiền gửi của PVI chủ yếu là kỳ hạn ngắn hạn và trung hạn.

Cơ cấu danh mục của PVI trong 2020 đang có xu hướng tăng tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn dài hạn lên 21% tính đến cuối quý 2.2020 (so với 17% hồi đầu năm), và đồng thời giảm tỷ trọng tiền gửi ngắn hạn xuống 49%.



Tỷ trọng danh mục đầu tư tính đến cuối cuối quý II.2020



Nguồn: BCTC PVI, PSI tổng hợp

**Điều chỉnh dự phóng doanh thu và lợi nhuận:**

Ngành hàng không chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch do giảm mạnh các chuyến bay từ đầu năm đến nay, do PVI bảo hiểm cho toàn bộ hãng hàng không như VN AirLine, Vietjet Air, Bamboo,..., doanh thu phí bảo hiểm của PVI trong lĩnh vực bảo hiểm hàng không giảm khoảng 15% so với kế hoạch đề ra.

Tình hình dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến cả lĩnh vực bảo hiểm năng lượng và bảo hiểm hàng không của PVI. Theo Reuters, dịch bệnh có thể làm cho ngành dầu khí năm 2020 phải cắt giảm đầu tư và trì hoãn lắp đặt các giàn khoan ngoài khơi. Tuy nhiên khả năng kiểm soát dịch cao hơn lần đầu bùng phát, chúng tôi tăng doanh thu bảo hiểm so với lần dự phóng trước lên 19% đạt 6,930 tỷ đồng, đồng thời giảm 50,2% doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm do không còn ghi nhận doanh thu từ dự án Embassy Garden ở Trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây.

Chúng tôi dự phóng lợi nhuận sau thuế 2020 của PVI đạt 667 tỷ đồng, giảm 5% so với năm ngoái, chủ yếu (1) tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc giảm, (2) Lãi tiền gửi tiết kiệm giảm và (3) khả năng tăng khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Cơ cấu tài sản**

| Cân đối kế toán (tỷ đồng)                  | 2019          | Tỷ trọng TTS  | Quý II.2020   | Tỷ trọng TTS | %+/-       |
|--|---------------|---------------|---------------|--------------|------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                 | <b>18,629</b> | <b>84.36%</b> | <b>19,544</b> | <b>82%</b>   | <b>5%</b>  |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền      | 493           | 2.23%         | 904.74        | 4%           | 84%        |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn              | 7,795         | 35.30%        | 7,732         | 32%          | -1%        |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn           | 9,942         | 45.02%        | 10,513        | 44%          | 6%         |
| 1. <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> | 9,949         | 45.05%        | 10,453        | 44%          | 5%         |
| IV. Hàng tồn kho                           | 34.189        | 0.15%         | 1.75          | 0%           | -95%       |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                   | 365           | 1.65%         | 392.0         | 2%           | 7%         |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                  | <b>3,455</b>  | <b>15.64%</b> | <b>4,280</b>  | <b>18%</b>   | <b>24%</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn              | 25            | 0.12%         | 25.19         | 0%           | 1%         |
| II. Tài sản cố định                        | 353           | 1.60%         | 357.75        | 2%           | 1%         |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                | 294           | 1.33%         | 305.04        | 1%           | 4%         |
| III. Bất động sản đầu tư                   | 1,088         | 4.93%         | 1,072         | 4%           | -1%        |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn                | 36            | 0.16%         | 0.77          | 0%           | -98%       |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn                | 1,867         | 8.46%         | 2,681         | 11%          | 44%        |
| 3. <i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>  | 1,789         | 8.10%         | 2,602         | 11%          | 45%        |
| VI. Tài sản dài hạn khác                   | 85            | 0.38%         | 143.51        | 1%           | 69%        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                   | <b>22,083</b> | <b>100%</b>   | <b>23,824</b> | <b>100%</b>  | <b>8%</b>  |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                      | <b>14,858</b> | <b>67.28%</b> | <b>16,510</b> | <b>69%</b>   | <b>11%</b> |
| I. Nợ ngắn hạn                             | 14,784        | 66.95%        | 16,449        | 69%          | 11%        |
| 9. <i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>       | 11,115        | 50.33%        | 11,691        | 49%          | 5%         |
| II. Nợ dài hạn                             | 74            | 0.33%         | 61.29         | 0%           | -17%       |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                   | <b>7,226</b>  | <b>32.72%</b> | <b>7,314</b>  | <b>31%</b>   | <b>1%</b>  |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                 | <b>22,083</b> | <b>100%</b>   | <b>23,824</b> | <b>100%</b>  | <b>8%</b>  |

Tổng tài sản cuối quý II.2020 đạt 23,824 tỷ, tăng 8% so với đầu năm, trong đó tài sản đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu ngắn hạn là chủ yếu, chiếm tỷ trọng cao lần lượt là 32% và 44% TTS.

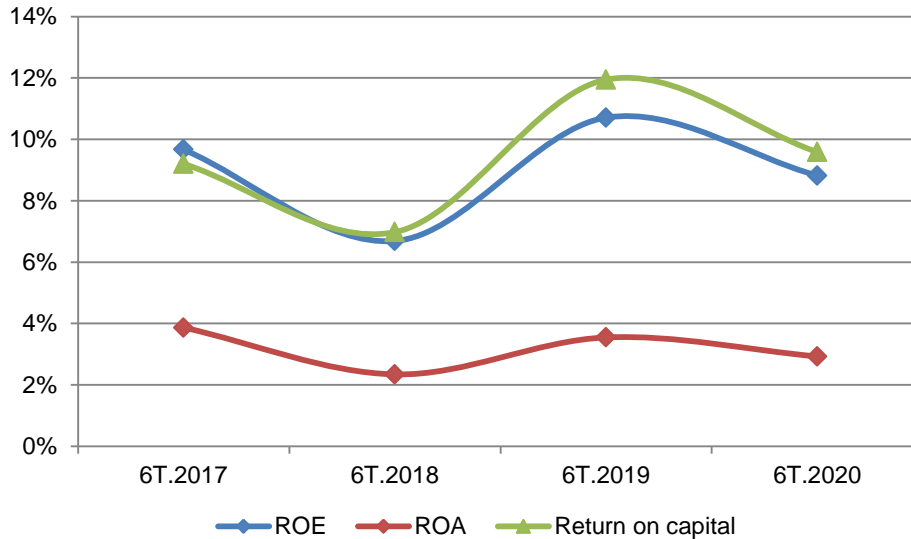
Đầu tư tài chính của PVI chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (chiếm 82%), còn lại là PVI phân bổ vào đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và đầu tư góp vốn. Do tình hình thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, công ty phải trích lập dự phòng ~39 tỷ trên 1,520 tỷ đầu tư cổ phiếu và trái phiếu.

Phải thu ngắn hạn đạt 10,513 tỷ tính đến cuối quý II.2020 (chiếm 44% TTS), chủ yếu là các khoản phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm (chiếm 80% tổng phải thu), bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

**Cơ cấu nguồn vốn an toàn**

PVI không có vay nợ ngắn và dài hạn. Nợ phải trả chiếm 69% cơ cấu nguồn vốn, tương tự như các doanh nghiệp bảo hiểm khác. Tại thời điểm cuối quý II.2020, PVI trích lập dự phòng khá an toàn, dự phòng bảo hiểm phải trả ngắn hạn 11.691 tỷ đồng (chiếm 71% nợ phải trả)

**Hiệu suất hoạt động**



**Định giá doanh nghiệp**

Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh theo trung bình ngành bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam. Với EPS forward 2020 đạt 2,742 đồng/cp, giá trị sổ sách (BVPS) đạt 31,224 đồng/cp, giá trị cổ phần PVI được xác định ở mức giá lần lượt là 32,250 đồng/cp với phương pháp PE và 33,339 đồng/cp với phương pháp PB. Như vậy, giá trị trung bình của công ty là **32,794 đồng/cp**.

| Ticker            | Name                         | P/E          | P/B         |
|-------------------|------------------------------|--------------|-------------|
| PVI VN Equity     | PVI HOLDINGS                 | 12.6         | 1.06        |
| VNR VN Equity     | VIETNAM NATIONAL REINSURANCE | 9            | 0.83        |
| BIC VN Equity     | BIDV INSURANCE CORPORATION   | 8.35         | 0.91        |
| BMI VN Equity     | BAOMINH INSURANCE CORP       | 12.25        | 0.93        |
| PGI VN Equity     | PETROLIMEX INSURANCE CORP    | 8.73         | 1.1         |
| PTI VN Equity     | POST&TELECOM JS INSURANCE CO | 6.55         | 0.7         |
| BVH VN Equity     | BAO VIET HOLDINGS            | 27.63        | 1.7         |
| <b>Trung bình</b> |                              | <b>12.16</b> | <b>1.03</b> |

**Báo cáo tài chính**

| Cân đối kế toán (tỷ đồng)    | 2019          | 2020F         | 2021F         |
|------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>      | <b>18,629</b> | <b>17,207</b> | <b>19,104</b> |
| Tiền tương đương tiền        | 493           | 1681          | 2156          |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn    | 7,795         | 7,391         | 8,042         |
| Các khoản phải thu ngắn hạn  | 9,942         | 7,784         | 8,523         |
| Hàng tồn kho                 | 34            | 17            | 18            |
| Tài sản ngắn hạn khác        | 365           | 333           | 365           |
| <b>Tài sản dài hạn</b>       | <b>3,455</b>  | <b>3,700</b>  | <b>3,186</b>  |
| Tài sản cố định              | 353           | 317           | 281           |
| Bất động sản đầu tư          | 1,088         | 817           | 782           |
| Đầu tư tài chính dài hạn     | 1,867         | 2,464         | 2,010         |
| Tài sản dài hạn khác         | 146           | 102           | 112           |
| <b>Tổng cộng tài sản</b>     | <b>22,083</b> | <b>20,907</b> | <b>22,290</b> |
| Nợ phải trả                  | 14,858        | 13,471        | 14,633        |
| Nợ ngắn hạn                  | 14,784        | 13,410        | 14,585        |
| Nợ dài hạn                   | 74            | 61            | 48            |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>        | <b>7,226</b>  | <b>7,436</b>  | <b>7,655</b>  |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu    | 2,342         | 2,342         | 2,342         |
| Thặng dư vốn cổ phần         | 3,508         | 3,508         | 3,508         |
| LNST chưa phân phối          | 784           | 953           | 1130          |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 256           | 297           | 339           |
| Nguồn vốn và quỹ khác        | 335           | 335           | 335           |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>   | <b>22,083</b> | <b>20,907</b> | <b>22,288</b> |

| HĐKD (tỷ đồng)                   | 2019   | 2020F | 2021F  |
|----------------------------------|--------|-------|--------|
| Doanh thu thuần                  | 10,315 | 9,245 | 10,163 |
| Doanh thu thuần                  | 5,911  | 5,395 | 5,908  |
| Giá vốn hàng bán                 | 5,162  | 4,669 | 5,098  |
| Lợi nhuận gộp HĐKD bảo hiểm      | 750    | 726   | 810    |
| Lợi nhuận HĐ tài chính           | 770    | 690   | 653    |
| Chi phí tài chính                | 135    | 148   | 151    |
| <i>Trong đó :Chi phí lãi vay</i> | 0.332  | 0.882 | 0.332  |
| Chi phí QLDN                     | 512    | 455   | 475    |
| LN thuần HĐKD                    | 873    | 813   | 837    |
| Lợi nhuận khác                   | 1.0    | 1.0   | 1.0    |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế     | 874    | 814   | 838    |
| Lợi nhuận sau thuế               | 702    | 667   | 687    |
| LNST của CDKKS                   | 42.9   | 40.8  | 42.1   |
| LNST của Công ty mẹ              | 659    | 627   | 645    |
| EPS (đồng/1 cp)                  | 2,815  | 2,742 | 2,755  |

| Chỉ số tài chính       | 2019 | 2020F | 2021F |
|------------------------|------|-------|-------|
| Biên lợi nhuận gộp (%) | 7.3% | 7.9%  | 8.0%  |
| Biên lợi nhuận (%)     | 6.8% | 7.2%  | 6.8%  |
| ROE(%)                 | 9.5% | 8.8%  | 8.8%  |
| ROA (%)                | 3%   | 3%    | 3%    |



**LIÊN HỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: [www.psi.vn](http://www.psi.vn)

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường

Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 6789

Fax: (84-8) 3914 6969

**Chi nhánh TP. Vũng Tàu**

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26

Fax: (84-64) 625 4521

**Chi nhánh TP. Đà Nẵng**

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong,

Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 389 9338

Fax: (84-511) 389 9339

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH**

**Đào Hồng Dương**

Giám đốc Trung tâm Phân Tích

Email: [duongdh@psi.vn](mailto:duongdh@psi.vn)

**Đỗ Trung Thành**

Phó Phòng PTDN

Email: [thanhd@psi.vn](mailto:thanhd@psi.vn)

**Lê Thị Hà Giang**

Bộ phận truyền thông

Email: [gianglth@psi.vn](mailto:gianglth@psi.vn)

**Vũ Huyền Hà My**

Bộ phận truyền thông

Email: [myvh@psi.vn](mailto:myvh@psi.vn)

**Ngô Hồng Đức**

Chuyên viên phân tích

Email: [ducnh@psi.vn](mailto:ducnh@psi.vn)

**Đồng Khau Tú**

Chuyên viên phân tích

Email: [tudk@psi.vn](mailto:tudk@psi.vn)

**Nguyễn Hoàng Minh Hương**

Chuyên viên phân tích

Email: [huongnhm@psi.vn](mailto:huongnhm@psi.vn)

**Phạm Hoàng**

Chuyên viên phân tích

Email: [phamhoang@psi.vn](mailto:phamhoang@psi.vn)

**TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.